

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NGÀ THÁNG 01/2024

1. Một số thông tin cập nhật về tình hình thị trường Nga đến hết tháng 1/2023

Dưới các lệnh trừng phạt cấm vận chưa từng có, nhờ các biện pháp phù hợp, kịp thời của Chính phủ LB Nga, nền kinh tế đã ổn định và có được sự phát triển tốt hơn nhiều so với mọi dự đoán. GDP năm 2023 tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2022 và 2,3% nếu so với năm 2021 (trước khi xảy ra chiến dịch quân sự đặc biệt tại Ukraine).

Tiếp theo đà phát triển của năm 2023, theo số liệu của cơ quan thống kê Liên bang Nga tháng 1/2024, GDP của LB Nga tiếp tục tăng trưởng ổn định 4,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Sản xuất công nghiệp tăng 4,6% (khai thác tăng 0,8%, chế biến - chế tạo giảm 7,5%); lĩnh vực xây dựng tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2023

Tổng doanh số bán lẻ tăng 9,1%, bán buôn tăng 9,1%; vận tải hàng hóa giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2023.

2. Hoạt động xuất nhập khẩu với Việt Nam

Theo thống kê của Hải quan Việt Nam, hết tháng 1 năm 2024 tổng kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - LB Nga đạt 435,27 triệu USD tăng 126,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Về xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang LB Nga trong 02 tháng năm 2024 đạt 238,7 triệu USD tăng 140,3% so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể

Xuất khẩu của Việt Nam sang Nga trong tháng 1 năm 2024

Đơn vị: USD

Mặt hàng	01T2023	01T2024	Tăng/giảm
Hàng thủy sản	6.265.705	19.080.423	204,52%
Hàng rau quả	3.877.209	4.390.145	13,23%
Hạt điều	2.074.354	8.659.029	317,43%
Cà phê	21.969.077	41.386.045	88,38%
Chè	830.505	827.592	-0,35%
Hạt tiêu	494.638	1.016.096	105,42%
Gạo	91.932	680.413	640,13%
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	1.231.426	2.303.972	87,10%
Quặng và khoáng sản khác	-	-	-
Xăng dầu các loại	-	-	-
Sản phẩm từ chất dẻo	785.610	2.694.255	242,95%

Mặt hàng	01T2023	01T2024	Tăng/giảm
Cao su	4.626.937	2.283.372	-50,65%
Sản phẩm từ cao su	423.326	1.417.927	234,95%
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	169.894	1.538.040	805,29%
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	75.837	108.843	43,52%
Gỗ và sản phẩm gỗ	302.121	421.266	39,44%
Hàng dệt, may	23.365.765	88.006.374	276,65%
Giày dép các loại	1.476.191	223.234	-84,88%
Sản phẩm gốm, sứ	102.215	58.333	-42,93%
Sắt thép các loại	102.691	24.976	-75,68%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.751.026	1.834.102	4,74%
Điện thoại các loại và linh kiện	566.077	802.207	41,71%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	5.938.214	15.032.676	153,15%
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	460.568	364.156	-20,93%

Đặc biệt có các mặt hàng tăng mạnh như túi xách, ví, vali, mũ, ô dù (+805%), sản phẩm dệt may (+277%), hạt điều (+640%), thủy sản (+204%), sản phẩm chất dẻo (+235%), sản phẩm cao su (+234%), máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (+153%)...

Về nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Nga trong tháng 1 năm 2024 đạt 196,56 triệu USD, tăng 111,5% so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể:

Nhập khẩu của Việt Nam từ Nga trong tháng 1 năm 2024

Đơn vị: USD

Mặt hàng	01T2023	01T2024	Tăng/giảm
Hàng thủy sản	8.536.396	11.487.967	34,6
Lúa mì		4.326.400	-
Quặng và khoáng sản khác	1.978.224	8.221.325	315,6
Than đá	29.580.690	67.753.072	129,0
Xăng dầu các loại	-	-	-
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	33.169	221.293	567,2
Hóa chất	1.252.837	2.094.181	67,2
Sản phẩm hóa chất	372.316	50.776	0,0
Dược phẩm	-	-	-
Phân bón các loại	4.154.684	43.790.285	954,0
Chất dẻo nguyên liệu	1.362.948	2.615.911	91,9
Cao su	3.229.954	3.217.619	-0,4
Gỗ và sản phẩm gỗ	1.745.716	4.600.973	163,6
Giấy các loại	1.348.933	511.043	-62,1
Sắt thép các loại	42.085	-	-
Sản phẩm từ sắt thép	15.187.662	8.106.668	-46,6

Mặt hàng	01T2023	01T2024	Tăng/giảm
Kim loại thường khác	3.874.921	3.517.971	-9,2
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	8.732.554	1.497.229	-82,9
Ô tô nguyên chiếc các loại	-	2.022.060	-
Linh kiện, phụ tùng ô tô	247.429	615.704	148,8
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	266.457	180.253	-32,4

Những mặt hàng Việt Nam tăng nhập khẩu từ Nga nhiều nhất than đá (+129%) tiếp đến là phân bón các loại (+954%), quặng và khoáng sản khác (+315,6), thủy sản +34,5%)...